

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

---

Tháng 8 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	09 - 27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

#### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Ngọc Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/4/2015)
Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21/4/2015)
Bà Nguyễn Thu Huyền	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đức	Ủy viên
Ông Vũ Văn Cương	Ủy viên
Ông Lê Tuấn Anh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Đức Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/4/2015)
Ông Tạ Ngọc Lãm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/4/2015)

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TRÁCH  
KINH  
V  
CH  
H  
Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Ông Trần Đức Dũng**  
**Tổng Giám Đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Tôi, Lê Ngọc Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



**Lê Ngọc Tuấn**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Số: 134/2015/BCTC-VAHP

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần PIV**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/8/2015, từ trang 05 đến trang 27 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Hoa**  
Phó Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0804-2014-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2015

  
**Tạ Thị Việt Phương**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
1445-2014-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+150)	<b>100</b>		<b>82.734.667.185</b>	<b>40.355.627.131</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>05</b>	<b>8.695.558.115</b>	<b>2.842.458.345</b>
1. Tiền	111		8.695.558.115	2.842.458.345
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.983.920.217</b>	<b>37.460.620.447</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>06</b>	60.101.429.186	37.682.742.341
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.566.993.145	220.312.727
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>07</b>	13.700.938	13.700.938
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>08</b>	(698.203.052)	(456.135.559)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>55.188.853</b>	<b>52.548.339</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>13</b>	50.688.853	48.048.339
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>10</b>	4.500.000	4.500.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>148.157.643</b>	<b>174.448.893</b>
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.960.000</b>	<b>73.280.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>11</b>	54.960.000	73.280.000
- Nguyên giá	222		73.280.000	73.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18.320.000)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>12</b>	-	-
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.284.600)	(31.284.600)
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>93.197.643</b>	<b>101.168.893</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	21.000.843	28.972.093
4. Tài sản dài hạn khác	268		72.196.800	72.196.800
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>82.882.824.828</b>	<b>40.530.076.024</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
(Dạng đầy đủ)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu số B 01a - DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>58.939.947.062</b>	<b>22.022.693.845</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.939.947.062</b>	<b>22.022.693.845</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	24.196.885.294	17.521.815.968
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.224.838.896	2.389.838.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.672.271.529	1.571.552.441
4. Phải trả người lao động	314		73.300.600	61.975.450
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	114.618.182	31.818.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	67.160.167	400.055.170
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	1.545.234.656	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>23.942.877.766</b>	<b>18.507.382.179</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>23.942.877.766</b>	<b>18.507.382.179</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(52.800.000)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	443.972.144	443.972.144
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	35.157.200	35.157.200
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	11.516.548.422	6.028.252.835
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.028.252.835	(2.005.046.497)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.488.295.587	8.033.299.332
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>82.882.824.828</b>	<b>40.530.076.024</b>

Người lập biểu



Lương Thị Thu Hiền

Phụ trách kế toán



Lương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Đức Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến ngày 30/6/2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu số B 02a - DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	64.139.213.005	58.102.629.286
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		64.139.213.005	58.102.629.286
4. Giá vốn hàng bán	11	21	53.843.574.837	54.461.524.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.295.638.168	3.641.104.809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	340.547	438.402.944
7. Chi phí tài chính	22		-	139.231.309
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	4.249.106
8. Chi phí bán hàng	25	23	1.634.870.311	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.624.832.011	530.567.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		7.036.276.393	3.409.708.891
11. Thu nhập khác	31		-	70.688.726
12. Chi phí khác	32		-	30.381.435
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	40.307.291
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.036.276.393	3.450.016.182
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.547.980.806	159.009.297
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5.488.295.587	3.291.006.885
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	4.574	2.743

Người lập biểu

Lương Thị Thu Hiền

Phụ trách kế toán

Lương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Đức Dũng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Dạng đầy đủ)  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu số B 03a - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.372.049.056	3.707.180.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(65.729.307.180)	(12.976.423.185)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(441.997.650)	(63.371.249)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(4.249.106)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	2.307.915.755
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(347.985.003)	(262.194.135)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.852.759.223</b>	<b>(7.291.141.920)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.410.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	340.547	1.392.599
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>340.547</b>	<b>8.411.392.599</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.363.935.383
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.613.935.383)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(250.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.853.099.770</b>	<b>870.250.679</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>05</b>	<b>2.842.458.345</b>	<b>241.924.467</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>05</b>	<b>8.695.558.115</b>	<b>1.112.175.146</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Người lập biểu



Lương Thị Thu Hiền

Phụ trách kế toán



Lương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Đức Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**MẪU SỐ B 09a - DN****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT*****Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 ngày 29/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/5/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 12.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

***Ngành nghề kinh doanh:***

- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: vật liệu xây dựng, thang máy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông; xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp, chi tiết: hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn máy móc, trang thiết bị trường học; bán buôn các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, hóa học, vật lý;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;

05/11/2015  
 CÔNG TY CỔ PHẦN PIV  
 CHỖ NHẬN  
 TÀI CHÍNH  
 VIÊN  
 CHỈ VI  
 HAI H  
 BAN  
 028  
 ÔNG  
 Ô P  
 PIV  
 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)*

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không);
- Vận tải đường ống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng; mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình; lắp đặt thang máy; lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình; lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí du lịch;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế); tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm); tư vấn Cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); tư vấn đầu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;

554  
 G T  
 ỆM H  
 TC  
 AT  
 NHẢ  
 PHO  
 - TP

3803  
 3 TY  
 HÂN  
 V  
 TP V

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: mua bán hóa chất công nghiệp; bán buôn sợi dệt, bán buôn bột giấy; bán buôn phế liệu, nguyên liệu để tái sinh;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn thủy sản; bán buôn rau, quả; bán buôn chè, cà phê; bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: tư vấn, lắp đặt các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: sản xuất thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 13 Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng đại diện: Tầng 2, số 201, Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHCD ngày 06/6/2014, Công ty sẽ đóng cửa văn phòng đại diện. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là một kỳ kế toán của kỳ kế toán năm 2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a - DN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán giữa niên độ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: phải thu người lao động và phải thu khác.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý Số năm  
03 - 05

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09a - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4.4 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao trong vòng 3 năm và đã được khấu hao hết tại thời điểm 31/12/2013.

**4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn là tiền thuê văn phòng và chi phí dịch vụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong theo thời gian thuê (03 tháng) kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí đăng ký chứng thư số và các công cụ, dụng cụ quản lý có giá trị dưới 30.000.000 VND, được phân bổ trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh.

**4.6 Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, như: phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng phải trả được thực hiện theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.8.

**4.7 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí dịch vụ kiểm toán, chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu đã phát sinh, chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

**4.8 Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được trích lập theo tỷ lệ 03% trên doanh thu bán máy móc, thiết bị y tế đối với các trường hợp bán hàng phải bảo hành căn cứ vào hợp đồng kinh tế theo Quyết định số 04/PIV-QĐ ngày 30/6/2015 của Tổng Giám đốc Công ty, phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty căn cứ vào thời gian bảo hành của sản phẩm để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần là các khoản chi phí liên quan đến tư vấn phát hành cổ phiếu cho cổ đông với số tiền là 52.800.000 VND.

**4.10 Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận ngay khi bàn giao hàng hóa có xác nhận của người mua và hóa đơn phát hành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của hàng hóa bán trong kỳ.

005)  
CỔ  
RÁCH  
KIẾ  
VIỆ  
CHI  
HẢI  
BÁN

010  
CỔ  
CỔ  
E  
GIÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4.12 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng là tiền tiếp khách, dự phòng bảo hành sản phẩm được ghi nhận theo thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí lương bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.

**4.13 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 22% trên thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.14 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.15 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các cán bộ quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc là các cá nhân có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Theo đó, các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin đối với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 28.

**5. TIỀN**

	<b>30/6/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	3.739.022.924	2.830.039.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.956.535.191	12.419.084
<b>Cộng</b>	<b>8.695.558.115</b>	<b>2.842.458.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
 Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MÃ SỐ B 09a - DN  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương</i>	19.584.571.693	20.441.517.768
<i>Công ty TNHH Lâm Nam</i>	18.252.952.974	-
<i>Công ty TNHH MD Phúc An Hưng</i>	7.449.459.545	-
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Du lịch Thiên Ân</i>	-	5.058.024.552
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy</i>	10.537.358.254	5.603.756.997
Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.277.086.720	6.579.443.024
<b>Cộng</b>	<b>60.101.429.186</b>	<b>37.682.742.341</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015 VND		01/01/2015 VND	
<b>Ngắn hạn</b>	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	13.700.938	-	13.700.938	-
	13.700.938	-	13.700.938	-

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư đầu kỳ	456.135.559	183.224.229
Trích lập dự phòng	284.312.727	313.259.274
Hoàn nhập dự phòng	42.245.234	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>698.203.052</b>	<b>496.483.503</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Phải thu của khách hàng	512.890.325	496.483.503
- Trả trước người bán	185.312.727	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MÃ SỐ B 09a - DN  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**9. NỢ XẤU**

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	834.959.377	-	834.959.377	-
- Ông Bùi Thành Hiệp	198.000.000	-	198.000.000	-
<i>Thời gian quá hạn: 18 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	198.000.000	-	198.000.000	-
- Bà Nguyễn Thái Hà	147.272.727	-	147.272.727	-
<i>Thời gian quá hạn: 42 tháng</i>				
<i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	147.272.727	-	147.272.727	-
- Các đối tượng khác	489.686.650	-	489.686.650	-

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế môn bài	4.500.000	3.000.000	3.000.000	4.500.000
<b>Cộng</b>	<b>4.500.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>4.500.000</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2015	73.280.000	73.280.000
Số dư tại 30/6/2015	73.280.000	73.280.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Khấu hao trong kỳ	18.320.000	18.320.000
Số dư tại 30/6/2015	18.320.000	18.320.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2015	73.280.000	73.280.000
Số dư tại 30/6/2015	54.960.000	54.960.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MẪU SỐ B 09a - DN  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2015	31.284.600	31.284.600
Số dư tại 30/6/2015	31.284.600	31.284.600
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2015	31.284.600	31.284.600
Số dư tại 30/6/2015	31.284.600	31.284.600
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Số dư tại 30/6/2015	-	-

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>50.688.853</b>	<b>48.048.339</b>
Chi phí thuê văn phòng	50.688.853	48.048.339
<b>Dài hạn</b>	<b>21.000.843</b>	<b>28.972.093</b>
Công cụ, dụng cụ quản lý	20.600.843	28.172.093
Chi phí đăng ký chứng thư số	400.000	800.000
<b>Cộng</b>	<b>71.689.696</b>	<b>77.020.432</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	20.459.120.309	15.200.534.510
Công ty CP Thương Mại và Xuất nhập khẩu Châu Dương	-	2.707.524.100
Công ty CP Thương mại và Vật liệu XD Hoàng Gia	2.566.550.944	5.682.677.910
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Diệp	7.954.859.165	-
Công ty CP Dịch vụ & Định hướng Phát triển Spa pro	3.797.052.000	6.810.332.500
Công ty CP Vận tải du lịch Thiên Ân	6.140.658.200	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.737.764.985	2.321.281.458
<b>Cộng</b>	<b>24.196.885.294</b>	<b>17.521.815.968</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
 Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a - DN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	388.469.994	3.823.041.296	3.270.303.014	941.208.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.183.082.447	1.547.980.806	-	2.731.063.253
<b>Cộng</b>	<b>1.571.552.441</b>	<b>5.371.022.102</b>	<b>3.270.303.014</b>	<b>3.672.271.529</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí kiểm toán	30.000.000	-
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	84.618.182	31.818.182
<b>Cộng</b>	<b>114.618.182</b>	<b>31.818.182</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>67.160.167</b>	<b>400.055.170</b>
Kinh phí công đoàn	33.423.331	33.423.331
Bảo hiểm xã hội	11.174.800	1.502.800
Bảo hiểm y tế	1.934.100	260.100
Bảo hiểm thất nghiệp	744.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	344.985.003
Dư có phải thu khác (TK 1388)	19.883.936	19.883.936
<b>Cộng</b>	<b>67.160.167</b>	<b>400.055.170</b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	Cộng
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Trích lập dự phòng	1.545.234.656	1.545.234.656
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	<b>1.545.234.656</b>	<b>1.545.234.656</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MẪU SỐ B 09a - DN  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	12.000.000.000	-	443.972.144	35.157.200	6.028.252.835
Tăng trong kỳ	-	(52.800.000)	-	-	5.488.295.587
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2015</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>(52.800.000)</b>	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>11.516.548.422</b>

**CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2015		01/01/2015	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của cổ đông khác	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>

**CỔ PHIẾU**

	30/6/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ	6.028.252.835	(2.005.046.497)
Tăng trong kỳ	5.488.295.587	3.291.006.885
<i>Lợi nhuận tăng trong kỳ</i>	<i>5.488.295.587</i>	<i>3.291.006.885</i>
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>11.516.548.422</b>	<b>1.285.960.388</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
 Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MÃ SỐ B 09a - DN  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**20. DOANH THU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	59.639.213.005	58.102.629.286
Doanh thu bán thành phẩm	4.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>64.139.213.005</b>	<b>58.102.629.286</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	49.483.875.547	54.461.524.477
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.359.699.290	-
<b>Cộng</b>	<b>53.843.574.837</b>	<b>54.461.524.477</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	340.547	1.392.599
Lãi từ chênh lệch giá mua và giá bán chứng khoán ngắn hạn	-	437.010.345
<b>Cộng</b>	<b>340.547</b>	<b>438.402.944</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.634.870.311</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.545.234.656
Chi phí khác	89.635.655
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.624.832.011</b>
Chi phí nhân công	465.412.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.320.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.758.808
Chi phí khác	625.340.403

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
 Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ  
 01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a - DN**  
 (Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.651.577.290
Chi phí nhân công	465.412.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.320.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.758.808
Chi phí khác	2.968.332.714
<b>Cộng</b>	<b>7.619.401.612</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	7.036.276.393	3.450.016.182
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	23.773.608
Chi phí không được trừ	-	23.773.608
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Lỗi năm trước chuyển sang (4)	-	(2.678.743.305)
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	7.036.276.393	795.046.485
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	22%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (7)=(5)*(6)</b>	<b>1.547.980.806</b>	<b>159.009.297</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.488.295.587	3.291.006.885
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (1)</b>	<b>5.488.295.587</b>	<b>3.291.006.885</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (2)	1.200.000	1.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)</b>	<b>4.574</b>	<b>2.743</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)***27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

**28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Ban Giám đốc</b>		
Thu nhập phải trả	51.211.500	65.474.500
Thu nhập đã trả	42.320.000	34.312.000

**29. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận là do kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 Công ty kinh doanh thương mại không có lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý rõ ràng.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.14.

	Giá trị ghi sổ 30/6/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	8.695.558.115	2.842.458.345
Phải thu của khách hàng	60.101.429.186	37.682.742.341
<b>Cộng</b>	<b>68.796.987.301</b>	<b>40.525.200.686</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	24.196.885.294	17.521.815.968
Chi phí phải trả	114.618.182	31.818.182
<b>Cộng</b>	<b>24.311.503.476</b>	<b>17.553.634.150</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09a - DN**  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro từ đồng ngoại tệ vì các giao dịch mua hàng lớn đều bằng VND.

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 30/6/2015, số dư khoản vay của Công ty bằng không nên không phải chịu rủi ro lãi suất.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	<b>30/6/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn trên 01 năm	198.000.000	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	125.854.418	381.347.610
Quá hạn từ 03 năm trở lên	511.104.959	327.792.232
<b>Cộng</b>	<b>834.959.377</b>	<b>709.139.842</b>

5554  
NG T  
HIỆM H  
1 TC  
T AI  
NHÀ  
PHO  
S-TY

102636  
ÔNG T  
CỔ PHẢ  
PIV  
-Y. T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MÃ SỐ B 09a - DN  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

Giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) này đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Đến 01 năm VND</b>	<b>Trên 01 năm VND</b>
<b>Tại 30/6/2015</b>		
Phải trả người bán	24.196.885.294	-
Chi phí phải trả	114.618.182	-
<b>Cộng</b>	<b>24.311.503.476</b>	<b>-</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>		
Phải trả người bán	17.521.815.968	-
Chi phí phải trả	31.818.182	-
<b>Cộng</b>	<b>17.553.634.150</b>	<b>-</b>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

Số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của kỳ kế toán hiện hành do Công ty áp dụng của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể:

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 01/01/2015 (trình bày lại)	Tại 31/12/2014 (báo cáo kiểm toán)	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	37.682.742.341	-	37.682.742.341
Phải thu khách hàng	131	-	37.682.742.341	(37.682.742.341)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	220.312.727	-	220.312.727
Trả trước cho người bán	132	-	220.312.727	(220.312.727)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17.521.815.968	-	17.521.815.968
Phải trả người bán	312	-	17.521.815.968	(17.521.815.968)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.389.838.896	-	2.389.838.896
Người mua trả tiền trước	313	-	2.389.838.896	(2.389.838.896)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ  
01/01/2015 đến 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)** MẪU SỐ B 09a - DN  
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ)

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Tại 01/01/2015 (trình bày lại)	Tại 31/12/2014 (báo cáo kiểm toán)	Chênh lệch
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	31.818.182	-	31.818.182
Chi phí phải trả	316	-	31.818.182	(31.818.182)
Quỹ đầu tư phát triển	418	443.972.144	278.286.705	165.685.439
Quỹ dự phòng tài chính	418	-	165.685.439	(165.685.439)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>(2.005.046.497)</i>	-	<i>(2.005.046.497)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>8.033.299.332</i>	-	<i>8.033.299.332</i>

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Lương Thị Thu Hiền

Lương Thị Thu Hiền

Trần Đức Dũng